

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Quý I 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh
toàn cảnh về tình hình sản xuất,
biến động giá cả, tình hình
tiêu thụ và các dự báo về
thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	05
2. Tình hình xuất nhập khẩu	08
3. Diễn biến giá	11
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	14
1. Sản xuất	15
2. Xuất khẩu	16
3. Diễn biến giá	18
4. Tình hình nhập khẩu	19
Phần III: Dự báo	20
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	22
Phần V: Chính sách	25
Phụ lục	27

Viết tắt, giải nghĩa

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

DA: Bộ Nông nghiệp Philippines

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

IGC: Hội đồng ngũ cốc quốc tế

BPS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Trong báo cáo tháng 4, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) nâng dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 lên mức kỷ lục 515,5 triệu tấn. Trong khi đó, tiêu thụ ở mức kỷ lục 521,3 triệu tấn, vượt sản xuất khoảng 5,8 triệu tấn.
- USDA dự báo thương mại gạo toàn cầu trong năm 2024 đạt kỷ lục 53,4 triệu tấn (xay xát), tăng 0,75 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023. Trong đó, xuất khẩu dự kiến giảm ở Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam, trong khi tăng tại Pakistan, Mỹ, Campuchia, Myanmar...
- Lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ trong 2 tháng đầu năm đã giảm mạnh 24,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu gạo basmati của Ấn Độ được cho là có thể giảm trong năm 2024 do Pakistan đang chào bán loại gạo này với giá cạnh tranh trong bối cảnh sản lượng phục hồi.
- Lũy kế từ đầu năm đến ngày 4/4, tổng nhập khẩu gạo của Philippines đạt gần 1,2 triệu tấn. Việt Nam vẫn là nhà cung cấp lớn nhất với khối lượng 734.583 tấn, tương đương 62% thị phần. Tiếp theo là Thái Lan đạt 251.738 tấn, chiếm 21%.
- Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) đạt 138,1 điểm trong tháng 3, giảm 1,7% so với tháng trước và đánh dấu mức thấp nhất trong 8 tháng trở lại đây. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn cao hơn 14% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Tính từ đầu năm đến giữa tháng 4, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam và Thái Lan đã giảm hơn 70 USD/tấn, trong khi Ấn Độ tăng 33 USD/tấn.
- Trong quý I, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt kỷ lục gần 2,2 triệu tấn với trị giá thu về 1,4 tỷ USD, tăng 17,8% về lượng và tăng đến 45,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Nhìn chung xuất khẩu gạo sang các thị trường chủ lực như Philippines, Indonesia, Malaysia... đều tăng trưởng cao ở mức hai con số.
- 2 tháng đầu năm, nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ tăng mạnh 51,8% về lượng và gấp 2 lần về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 156.165 tấn, trị giá 65,3 triệu USD. Trong đó, gạo lứt là chủng loại nhập khẩu nhiều nhất.
- Giá gạo toàn cầu dự kiến sẽ duy trì ở mức cao trong suốt năm 2024, trong bối cảnh thị trường tiếp tục bị thắt chặt do thời tiết không thuận lợi và hạn chế xuất khẩu gạo từ Ấn Độ.

Phần I:

Thị trường gạo thế giới



Thị trường lúa gạo toàn cầu diễn ra sôi động trong quý I, đặc biệt là nhu cầu mua vào của Philippines và Indonesia. Tuy nhiên, giá gạo đã có phần hạ nhiệt trước áp lực nguồn cung từ vụ thu hoạch tại Việt Nam và Thái Lan.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Trong báo cáo tháng 4, USDA tiếp tục nâng dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 lên mức kỷ lục 515,5 triệu tấn (xay xát), tăng 0,1 triệu tấn so với dự báo trước và tăng gần 1 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023.

Sản lượng gạo toàn cầu được dự báo cao hơn trong tháng này chủ yếu nhờ vào vụ mùa lớn hơn ở Bangladesh và Philippines. Theo đó, USDA điều chỉnh ước tính sản lượng gạo của Philippines lên mức 12,6 triệu tấn so với dự báo trước đó là 12,3 triệu tấn; Bangladesh tăng lên 37 triệu tấn từ 36,3 triệu tấn.

Còn so với niên vụ trước, sản lượng gạo của Trung Quốc và Ấn Độ - hai quốc gia sản xuất lớn nhất thế giới dự báo giảm lần lượt là 1,3 triệu tấn và 1,7 triệu tấn, đạt 144,6 triệu tấn và 134 triệu tấn. Ngoài ra, sản lượng của Indonesia và Thái Lan cũng giảm khoảng 0,9 triệu tấn đối với mỗi nước.

Sự sụt giảm kể trên phần nào được bù đắp bởi sản lượng dự kiến tăng tới 1,7 triệu tấn tại Pakistan và 1,8 triệu tấn tại Mỹ.

Như vậy, tổng nguồn cung gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 (sản lượng + tồn kho đầu kỳ) dự kiến vào khoảng 693,5 triệu tấn, giảm 4,1 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023 và là năm thứ hai liên tiếp nguồn cung gạo toàn cầu giảm.

Tại Ấn Độ, theo số liệu của Tổng Công ty Lương thực Ấn Độ (FCI), tính đến ngày 01/3, tồn kho gạo của nước này đạt 58 triệu tấn, đã bao gồm 47,3 triệu tấn lúa quy gạo, tăng nhẹ so với thời điểm 01/2 và tăng khoảng 26,2% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy, tồn kho gạo hiện vẫn trên mức 7,6 triệu tấn quy định (gồm 5,6 triệu tấn dự trữ lưu thông và 2 triệu tấn dự trữ chiến lược) giai đoạn quý I/2024. Theo báo cáo đánh giá tình hình sản xuất ngũ cốc và lương thực lần thứ 2 trong niên vụ 2023-2024 (tháng 7/2023 đến tháng 6/2024) của Ấn Độ, chính phủ ước tính tổng sản lượng gạo xay xát vào khoảng 123,8 triệu tấn, gồm 111,46 triệu tấn vụ Kharif và 12,36 triệu tấn vụ Rabi. Con số này thấp hơn khoảng 1% so với niên vụ trước, trong đó sản lượng vụ Kharif ước tăng hơn 0,8% và vụ Rabi giảm khoảng 17,6%.

Mặc dù Chính phủ duy trì các chính sách hạn chế xuất khẩu gạo trong thời gian dài nhưng giá gạo trong nước vẫn tăng liên tục, với giá bán sỉ trong tháng 03/2024 đã tăng gần 19% so với cùng kỳ 2023.

b. Tiêu thụ

Tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 được USDA dự báo ở mức kỷ lục 521,3 triệu tấn, giảm 1,5 triệu tấn so với dự báo trước nhưng tăng 1,7 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023. Với dự báo này tiêu thụ dự kiến và vượt sản xuất khoảng 5,8 triệu tấn.

Trong báo cáo tháng này, tiêu thụ gạo niên vụ 2023-2024 của Trung Quốc ước tính đạt 148,2 triệu tấn, giảm 1,7 triệu tấn so với dự báo trước, đồng thời giảm 6,77 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023. Đây cũng là mức tiêu thụ thấp nhất của nước này kể từ năm 2020-2021.

Ngược lại, tiêu thụ gạo trong niên vụ 2023-2024 của Ấn Độ được dự đoán sẽ tăng mạnh gần 3,5 triệu tấn so với niên vụ trước lên mức kỷ lục 118 triệu tấn. So với niên vụ trước, lượng tiêu thụ của Philippines cũng được dự báo tăng 0,5 triệu tấn, Indonesia tăng 0,4 tấn, Mỹ tăng 0,38 triệu tấn...

c. Tồn kho

USDA nâng dự báo tồn kho gạo cuối kỳ toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 lên mức 172,1 triệu tấn, tăng 2,4 triệu tấn so với dự báo trước, nhưng giảm 5,8 triệu tấn so với niên vụ trước và là mức thấp nhất trong 6 năm (**Biểu đồ 1**).

Tại Trung Quốc, tồn kho cuối niên vụ 2023-2024 của nước này dự đoán vào khoảng 103 triệu tấn, giảm 3,6 triệu tấn so với niên vụ trước và chiếm 60% tồn kho gạo toàn cầu. Tồn kho của Thái Lan cũng được dự báo giảm 0,8 triệu tấn, Nigeria giảm 0,47 triệu tấn.

Trong khi đó, tồn kho của Ấn Độ được dự đoán sẽ tương đương niên vụ trước, ở mức 35 triệu tấn; Indonesia tăng 0,5 triệu tấn lên 5,2 triệu tấn.

d. Thương mại

Thương mại gạo toàn cầu trong năm 2024 dự kiến đạt kỷ lục 53,4 triệu tấn (xay xát), tăng 0,1 triệu tấn so với dự báo trước và tăng 0,75 triệu tấn so với niên vụ 2022-2023.

Năm 2023, thương mại gạo toàn cầu đạt khoảng 52,7 triệu tấn, thấp hơn 3,4 triệu tấn so với mức cao kỷ lục của năm trước đó, do tác động của các lệnh cấm và các hạn chế xuất khẩu được Chính phủ Ấn Độ thực hiện trong năm 2022 và 2023.

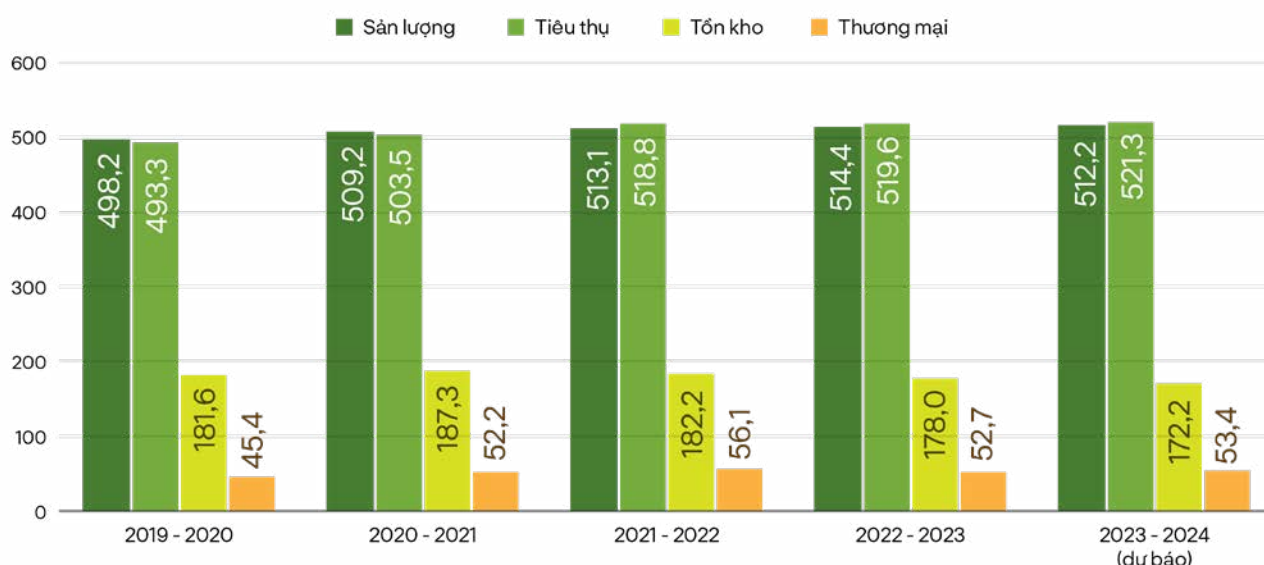
Xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã giảm từ 22,1 triệu tấn của năm 2022 xuống 17,7 triệu tấn năm 2023 và dự kiến chỉ đạt 16,5 triệu tấn năm 2024.

Các nước xuất khẩu gạo lớn tiếp theo là Thái Lan và Việt Nam đạt lần lượt là 8,4 triệu tấn và 8 triệu tấn trong năm 2024, giảm nhẹ 0,3 triệu tấn và 0,2 triệu tấn so với năm ngoái.

Trong khi đó, lượng gạo xuất khẩu dự báo tăng gần 1 triệu tấn tại Pakistan. Đồng thời tăng hơn 0,4 triệu tấn tại Campuchia và Myanmar, tăng gần 0,6 triệu tấn tại Mỹ... (**Biểu đồ 2**)

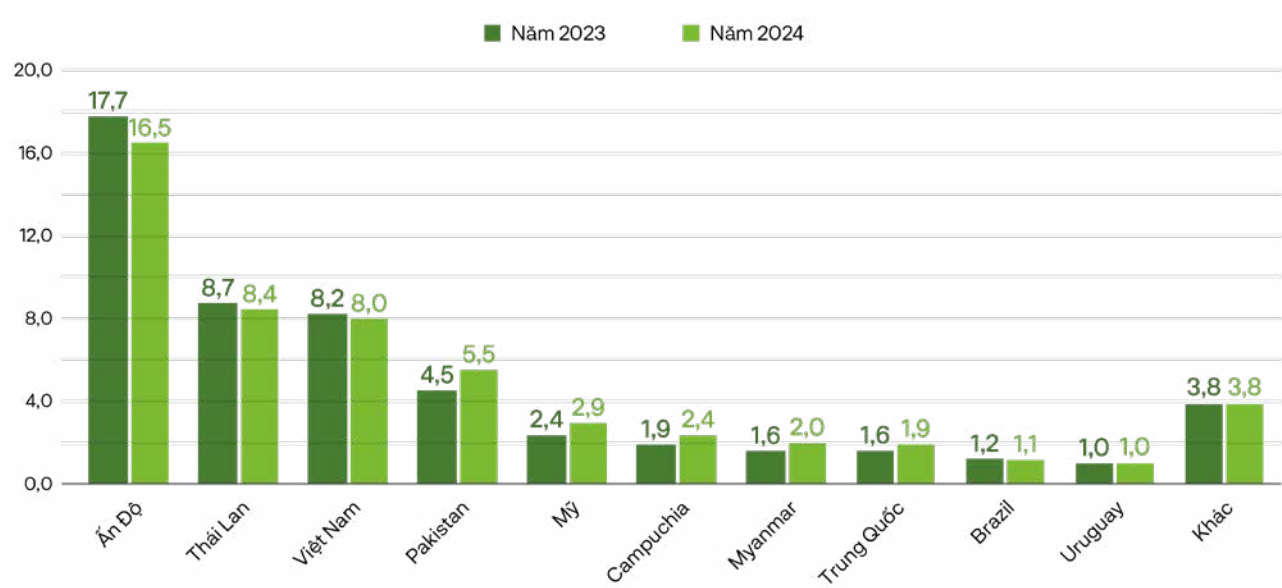
Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2019 - 2020 đến 2023 - 2024

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



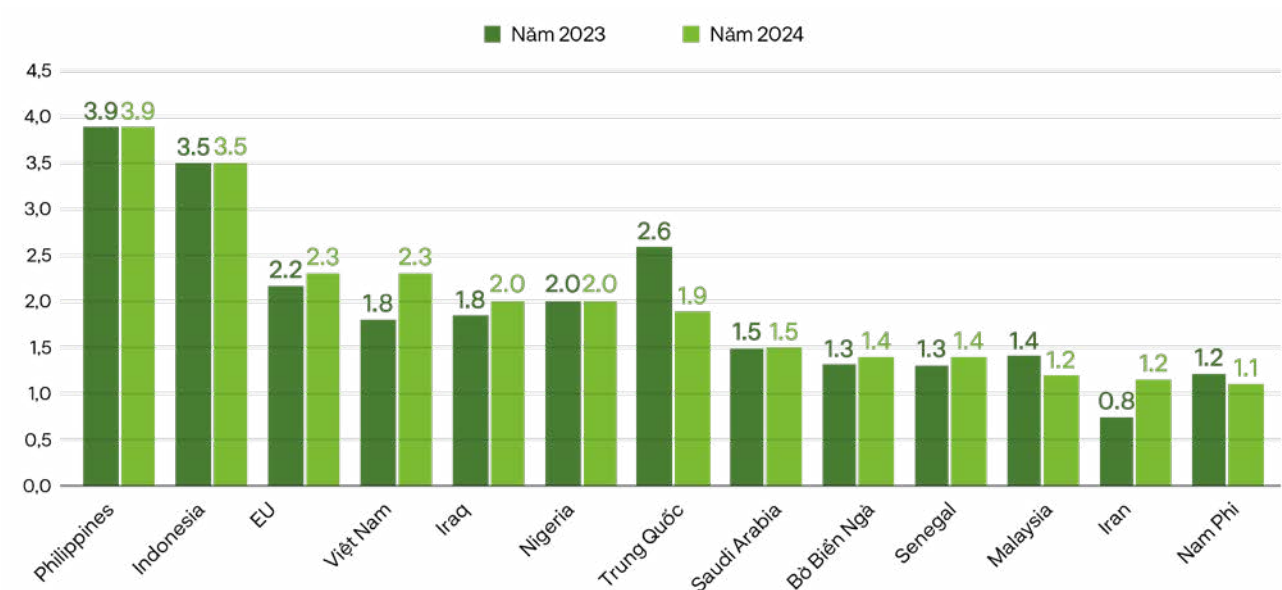
Biểu đồ 2: Xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 3: Nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Về phía nhập khẩu năm 2024, USDA dự báo Philippines tiếp tục là nước nhập khẩu lớn nhất thế giới với 3,9 triệu tấn. Tiếp theo là Indonesia 3,5 triệu tấn, Việt Nam và EU cùng đạt 2,3 triệu tấn, Iraq và Nigeria là 2 triệu tấn, Trung Quốc 1,9 triệu tấn...

So với năm trước, nhập khẩu dự báo tăng nhiều nhất ở Việt Nam (+ 0,5 triệu tấn), Iran (+0,4 triệu tấn), trong khi giảm nhiều nhất ở Trung Quốc (-0,7 triệu tấn), Kenya (-0,29 triệu tấn)... **(Biểu đồ 3)**

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu gạo của nước này trong tháng 2 đạt hơn 1,5 triệu tấn, tăng 13,4% so với tháng trước.

Nhưng tính chung 2 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của nước này vẫn giảm mạnh 24,8% về lượng và 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 2,9 triệu tấn, trị giá 2 tỷ USD.

Ngành gạo Ấn Độ hiện đang đối mặt với nhiều thách thức khi Chính phủ tiếp tục duy trì các hạn chế xuất khẩu đối với gạo trắng non-basmati và áp thuế 20% đối với gạo đồ nhằm đảm bảo nguồn cung và hạn chế đà tăng giá trong nước.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo basmati của Ấn Độ được cho là có thể giảm vào năm 2024 do Pakistan đang chào bán loại gạo này với giá cạnh tranh trong bối cảnh sản lượng phục hồi.

Dữ liệu cho thấy, xuất khẩu gạo basmati của Ấn Độ đã tăng 11,5% so với lên 4,9 triệu tấn vào năm ngoái, gần mức cao kỷ lục 5 triệu tấn đạt được vào năm 2020, do nguồn cung từ Pakistan giảm và nỗ lực dự trữ của các nước nhập khẩu.

Xuất khẩu gạo basmati đã giúp nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới mang về kim ngạch kỷ lục 5,4 tỷ USD vào năm 2023, tăng gần 21% so với năm trước do giá cao hơn.

 **Thái Lan:** Theo người phát ngôn Chính phủ Thái Lan, xuất khẩu gạo Thái Lan trong quý I đạt 2,5 triệu tấn, tăng hơn 500.000 tấn so với cùng kỳ năm 2023.

Mục tiêu xuất khẩu gạo năm 2024 là 7,5 triệu

tấn được cho là sẽ đạt được, thậm chí có khả năng vượt mốc 8 triệu tấn.

Những nỗ lực tạo thuận lợi thương mại của Chính phủ, cùng với việc duy trì các đặc tính nổi bật của gạo Thái Lan như xuất khẩu kịp thời và chất lượng, đều đã làm tăng niềm tin của người mua. Điều này dẫn đến lượng mua gạo Thái Lan cao hơn trong năm nay.

 **Pakistan:** Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê Pakistan (PBS), xuất khẩu gạo của nước này trong tháng 2 đạt 609.295 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế trong 8 tháng đầu năm tài chính 2023-2024 (tháng 7/2023 đến tháng 2/2024), Pakistan đã xuất khẩu hơn 3,9 triệu tấn gạo trị giá 2,5 tỷ USD, tăng 54,4% về lượng và tăng 87,1% về trị giá so với cùng kỳ năm tài chính trước.

Trong đó, xuất khẩu gạo Basmati và non-Basmati đạt lần lượt là 472.135 tấn và 3,46 triệu tấn, tăng 29% và 58,7% so với cùng kỳ năm trước.

USDA dự báo xuất khẩu gạo của Pakistan trong năm 2024 sẽ đạt khoảng 5,6 triệu tấn, tăng mạnh so với 4,5 triệu tấn của năm trước. Pakistan dự kiến sẽ có vụ thu hoạch kỷ lục trong năm nay sau khi mất mùa vào năm ngoái. Trong khi đó, với giá cả cạnh tranh cùng với lệnh cấm xuất khẩu của Ấn Độ và lực mua tăng từ các nước nhập khẩu, đặc biệt là Malaysia và Indonesia, đã thúc đẩy xuất khẩu gạo của Pakistan trong năm 2024.

 **Campuchia:** Theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), Campuchia đã xuất khẩu 166.451 tấn gạo trong quý I với trị giá 123,6 triệu USD, giảm 5,7% so về lượng và 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, gạo thơm chiếm 81% tổng lượng gạo xuất khẩu.

Báo cáo cho biết mặt hàng này đã được 46 nhà xuất khẩu vận chuyển tới 56 quốc gia và khu vực. Trung Quốc vẫn là nước mua gạo xay hàng đầu của Campuchia, với 43.039 tấn tương đương 25,8% tổng lượng trong quý đầu tiên.

Ngoài ra, xuất khẩu sang châu Âu đạt 78.675 tấn, ASEAN 29.719 tấn và các thị trường khác là 15.018 tấn.

Ngoài ra, Campuchia đã xuất khẩu 2,2 triệu tấn lúa sang các nước láng giềng trong quý I với doanh thu 600 triệu USD.

Năm ngoái, xuất khẩu gạo của Campuchia đạt hơn 656.000 tấn trị giá 466 triệu USD, đánh dấu mức tăng trưởng 3% về lượng và 13% về giá trị so với năm 2022. Liên đoàn Lúa gạo Campuchia đã đặt mục tiêu đầy tham vọng là xuất khẩu ít nhất một triệu tấn gạo vào năm 2025, theo *Khmertimeskh*.

b. Nhập khẩu



Philippines: USDA đã hạ dự báo lượng gạo nhập khẩu của Philippines xuống còn 3,9 triệu tấn, thay vì mức dự báo 4,1 triệu tấn của tháng trước nhưng tương đương năm 2023. Nguyên nhân là sản xuất lúa của Philippines hy vọng sẽ đáp ứng được mức tăng nhẹ của nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Theo USDA, sản lượng gạo xay xát niên vụ 2023-2024 của Philippines ước đạt 12,6 triệu tấn, xấp xỉ niên vụ 2022-2023. Chính phủ dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ người trồng lúa thông qua các khoản tín dụng ưu đãi trong khi nông dân dự định sẽ tăng mức độ sử dụng phân bón và các giống lai tạo để thúc đẩy năng suất.

Tổng thống Philippines đã gia hạn mức thuế thấp hơn 35% (so với 40% trong hạn ngạch và 50% ngoài hạn ngạch) đối với gạo đến cuối năm nay, nhằm ổn định giá cả và nguồn cung.

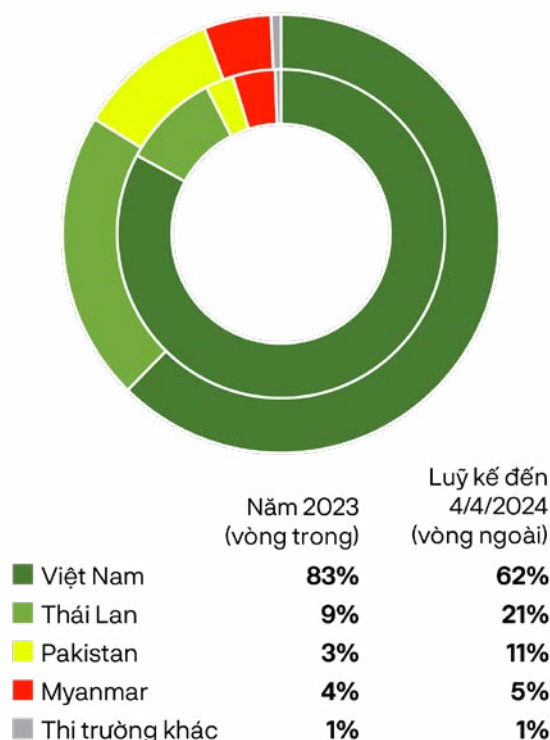
Cơ quan Thống kê Philippines (PSA) cho biết lạm phát giá gạo tại nước này đã tăng lên 24,4% trong tháng 3 so với mức 23,7% của tháng 2 và chỉ số này dự kiến sẽ còn tăng cho đến tháng 7.

Dự trữ gạo của Philippines vào đầu tháng 3 ở mức 1,37 triệu tấn, giảm 9,6% so với tháng trước và giảm 3 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo số liệu từ Cục Thực vật Philippines (BPI), Philippines nhập khẩu tổng cộng 1,15 triệu tấn gạo trong quý I, tăng mạnh gần 44% so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 4**).

Biểu đồ 4: Cơ cấu các thị trường xuất khẩu gạo vào Philippines năm 2023 và lũy kế đến 4/4/2024

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: BPI.



Còn tính đến ngày 4/4/2024, tổng nhập khẩu gạo của Philippines đạt gần 1,2 triệu tấn gạo. Trong đó, Việt Nam vẫn là nhà cung cấp lớn nhất với khối lượng 734.583 tấn, tương đương 62% tổng lượng nhập, nhưng thấp hơn mức thị phần 83% của năm 2023. Tiếp theo là Thái Lan đạt 251.738 tấn, chiếm 21% so với 9% của năm ngoái.

Như vậy, trong quý I đã chứng kiến lượng gạo Thái Lan nhập khẩu vào thị trường Philippines tăng cao so với trước đây. Thương vụ Việt Nam tại Philippines cho rằng đây là tín hiệu và là sự cảnh báo đối với gạo Việt Nam tại thị trường Philippines khi gạo Thái Lan bắt đầu gia tăng thị phần.



Trung Quốc: Do giá gạo quốc tế tăng cao, nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ giữa năm ngoái đến nay liên tục giảm. Số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc cho thấy, nhập khẩu gạo của nước này trong 2 tháng đầu năm nay đã giảm tới 78,6% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt gần 220.000 tấn.

Thái Lan và Myanmar lần là hai thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất vào Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm với khối lượng đạt lần lượt là 87.829 tấn và 82.162 tấn, giảm 9% và 59% so với cùng kỳ.

Việt Nam là nguồn cung lớn thứ ba với khối lượng đạt 20.869 tấn, giảm 82,1% và chiếm 9,6% thị phần so với 19,2% của cùng kỳ. Ngoài ra, Trung Quốc cũng giảm nhập khẩu gạo từ các nguồn cung khác như Pakistan, Campuchia, Ấn Độ và Lào...



Indonesia: Reuters đưa tin, Cơ quan Hậu cần Quốc gia Indonesia (Bulog) đã mở thầu quốc tế mua 300.000 tấn gạo, đây là đợt mở thầu lần thứ ba trong năm nay của nước này. Hạn chót nộp hồ sơ dự thầu là ngày 5/4/2025.

Trước đó, vào cuối tháng 3 Bulog cũng đã chốt hợp đồng mua 300.000 tấn gạo với các nhà cung cấp. Theo thứ tự, các doanh nghiệp Thái Lan trúng thầu với sản lượng nhiều nhất 117.000 tấn, đứng thứ 2 là Việt Nam 108.000 tấn, phần còn lại từ Pakistan và Myanmar.

Trong đợt thầu này, xét về giá C&F (chi phí và cước phí), gạo Myanmar cao nhất khi đạt mức 626 USD/tấn, tiếp theo là Pakistan có giá 623 USD/tấn. Gạo Thái Lan đứng vị trí thứ 3, có giá từ 611,5 - 617 USD/tấn, còn Việt Nam có giá từ 609 - 616 USD/tấn, thấp nhất trong các nước dự thầu.

Trước đó, trong đợt đấu thầu diễn ra vào tháng 1, Indonesia được cho là đã mua khoảng 500.000 tấn gạo (trong đó các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam đã thắng thầu cung cấp hơn 300.000 tấn).

Tính đến nay, Indonesia đã nhập khẩu 650.000 tấn gạo và ký hợp đồng nhập khẩu thêm 300.000 tấn gạo cho năm 2024. Giá gạo ở Indonesia đã tăng thêm khoảng 25% kể từ năm ngoái, sau khi hiện tượng thời tiết El Nino làm giảm sản lượng lúa gạo của nước này và làm tăng thêm lạm phát lương thực trong nước.

Năm 2024, Indonesia dự kiến nhập khẩu tới 3,6 triệu tấn gạo và là nước nhập khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới sau Philippines. Hiện Indonesia đang nỗ lực tăng lượng gạo nhập khẩu để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và kiềm chế lạm phát.



Hàn Quốc: Tổng Công ty Thương mại nông, thủy sản và thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã mua khoảng 77.774 tấn gạo lứt từ Mỹ thông qua đợt thầu quốc tế mở ngày 21/3/2024 cho số lượng 100.800 tấn. Thời gian giao hàng từ tháng 7/2024 đến tháng 1/2025.

Bên cạnh đó, đã có khoảng 22.222 tấn gạo từ Trung Quốc và 900 tấn từ Việt Nam cũng tham gia vào phiên đấu thầu lần này. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng vẫn chưa được thông báo.

 **Malaysia:** Malaysia đang lên kế hoạch nhập khẩu thêm 500.000 tấn gạo từ Ấn Độ sau khi Chính phủ hai nước đạt được thỏa thuận thương mại 170.000 tấn gạo trắng non- basmati theo kênh ngoại giao.

Theo Bernas - doanh nghiệp nhập khẩu gạo độc quyền của Malaysia, mức tiêu thụ gạo hàng năm của Malaysia là 2,5 triệu tấn, với lượng nhập khẩu trung bình là 750.000 tấn.

Bộ Nông nghiệp và An ninh lương thực Malaysia cho biết tồn kho gạo của nước này tính đến nay là hơn 1 triệu tấn, bao gồm 290.000 tấn dự trữ đệm, có thể đáp ứng nhu cầu của người dân trong 5,48 tháng. Cơ quan này đảm bảo rằng nguồn cung gạo, loại lương thực chủ yếu của đất nước, đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân.

 **Ghana:** Gạo đã trở thành một phần quan trọng trong chế độ ăn uống hàng ngày của người dân Ghana. Nước này tiêu thụ khoảng 1,45 triệu tấn gạo mỗi năm nhưng chỉ sản xuất được 987.000 tấn, chiếm khoảng 68% trong số đó.

Những nỗ lực thúc đẩy sản xuất gạo thường liên quan đến việc cung cấp hạt giống và phân bón cho nông dân để tăng quy mô trang trại của họ. Nông dân sản xuất nhỏ là trụ cột trong sản xuất lúa gạo địa phương ở Ghana, chiếm hơn 50% tổng sản xuất.

3 Diễn biến giá

Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) đạt 138,1 điểm trong tháng 3, giảm 1,7% so với tháng trước và đánh dấu mức thấp nhất trong 8 tháng trở lại đây. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn cao hơn 14% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mặc dù Indonesia đang hoạt động mạnh mẽ trên thị trường, nhưng giá gạo vẫn giảm ở hầu hết nước sản xuất hàng đầu do nguồn cung tăng sau khi một số nước bước vào vụ thu hoạch.

Tại Việt Nam, giá gạo trắng 5% tấm đã giảm 5% so với tháng trước do vụ thu hoạch Đông Xuân đạt đỉnh và đồng nội tệ giảm giá so với USD. Giá gạo Ấn Độ giảm bất chấp lo ngại của một số nhà xuất khẩu về việc tính thuế 20% đối với gạo đỏ. Vụ thu hoạch cũng khiến giá gạo giảm ở Thái Lan và Pakistan giảm.



Ảnh: Mint.

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2024

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)						Thay đổi của tháng 3/2024 so với (%)	
		10/2023	11/2023	12/2023	1/2024	2/2024	3/2024	2/2024	3/2023
Ấn Độ	Basmati	1.550,0	1.550,0	1.438,0	1.400,0	1.400,0	1.400,0	0,0	▼ 9,7
	Gạo đỏ 5% tấm	497,0	483,0	501,0	529,0	548,0	541,0	▼ 1,2	▲ 42,3
Pakistan	Basmati	1.103,0	984,0	956,0	1.017,0	974,0	959,0	▼ 1,5	▼ 23,3
	Trắng 25% tấm	525,0	512,0	527,0	554,0	542,0	534,0	▼ 1,4	▲ 24,4
	Trắng 5% tấm	555,0	564,0	580,0	622,0	611,0	591,0	▼ 3,3	▲ 29,1
Thái Lan	Trắng 100% tấm	604,0	602,0	658,0	675,0	646,0	630,0	▼ 2,5	▲ 28,5
	Trắng 25% tấm	563,0	564,0	609,0	621,0	600,0	587,0	▼ 2,2	▲ 25,3
	A1 Super	469,0	482,0	495,0	489,0	491,0	485,0	▼ 1,2	▲ 11,1
	Hom Mali	867,0	861,0	882,0	893,0	890,0	886,0	▼ 0,4	▲ 3,1
	Nếp 10% tấm	900,0	795,0	794,0	813,0	799,0	757,0	▼ 5,3	▲ 3,1
	Đỏ 100%	597,0	588,0	643,0	650,0	638,0	622,0	▼ 2,6	▲ 27,6
Việt Nam	Nếp 10% tấm	587,0	589,0	591,0	591,0	587,0	581,0	▼ 1,0	▲ 10,7
	Trắng 25% tấm	589,0	608,0	609,0	599,0	573,0	546,0	▼ 4,7	▲ 28,8
	Trắng 5% tấm	602,0	638,0	640,0	635,0	602,0	570,0	▼ 5,4	▲ 29,8
	Thơm 5% tấm	659,0	692,0	704,0	700,0	637,0	601,0	▼ 5,6	▲ 23,8
Campuchia	Thơm 5% tấm	776,0	767,0	840,0	871,0	877,0	890,0	▲ 1,5	▲ 17,5
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	1.124,0	1.044,0	1.025,0	1.025,0	1.025,0	970,0	▼ 5,4	▼ 43,0
	Calrose 4% tấm	725,0	732,0	728,0	732,0	764,0	793,0	▲ 3,8	▲ 9,1
Argentina	Trắng 5% tấm	760,0	765,0	769,0	809,0	802,0	747,0	▼ 6,8	▲ 26,4
Brazil	Trắng 5% tấm	766,0	826,0	894,0	920,0	868,0	736,0	▼15,2	▲ 17,6
Uruguay	Trắng 5% tấm	744,0	774,0	846,0	883,0	869,0	746,0	▼ 14,1	▲ 24,8

Tính đến giữa tháng 4, giá gạo xuất khẩu của các nước xuất khẩu hàng đầu tại châu Á biến động trái chiều so với tháng trước (**Bảng 1**).

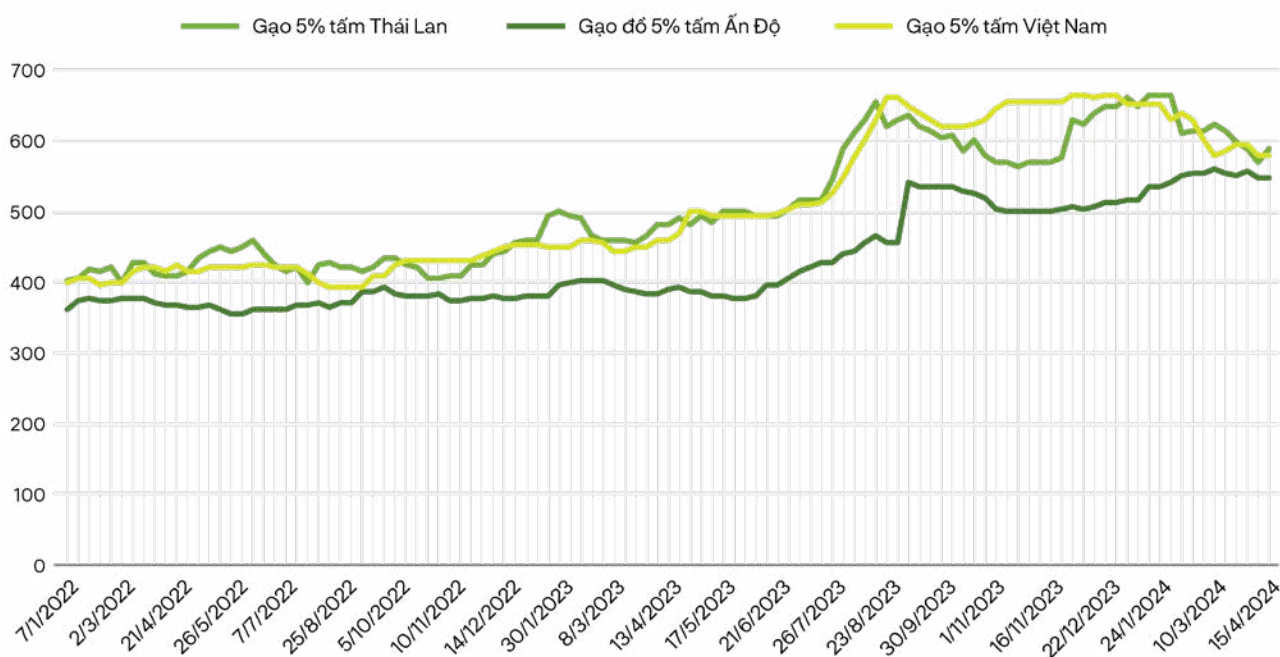
Gạo 5% tấm của Thái Lan được chào bán ở mức 585-590 USD/tấn, tăng so với mức 570 USD/tấn của tuần trước đó nhưng giảm 15 USD/tấn so với cách đây 1 tháng. Hiện nguồn cung mới vẫn đang được thu hoạch và giá gạo được hỗ trợ nhờ nhu cầu từ Indonesia, nơi người mua đang tìm nguồn cung ứng từ Thái Lan, Việt Nam và Pakistan.

Giá gạo đỏ 5% tấm của nhà xuất khẩu hàng đầu Ấn Độ được chào bán ở mức 540-548 USD/tấn, giảm so với mức 555 USD/tấn cách đây một tháng. Sau khi chạm mức cao kỷ lục 560 USD/tấn vào đầu tháng 3 do hải quan nước này thay đổi phương pháp tính thuế xuất khẩu, giá gạo của Ấn Độ liên tục điều chỉnh giảm.

Một nhà xuất khẩu tại Mumbai cho biết, nguồn cung trong nước vẫn đủ nhưng nhu cầu từ các khách hàng châu Á và châu Phi đã chậm lại trong vài ngày qua.

Biểu đồ 5: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2022 đến ngày 15/4/2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Trong khi đó, giá gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức 580 USD/tấn, giảm nhẹ so với mức 585 USD/tấn của tháng trước (**Biểu đồ 5**).

Một thương nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh cho biết giá lúa trong nước đang tăng nhẹ do nguồn cung có dấu hiệu sụt giảm, trong khi tình trạng xâm nhập mặn ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đang đe dọa đến sản lượng lúa gạo tại đây.

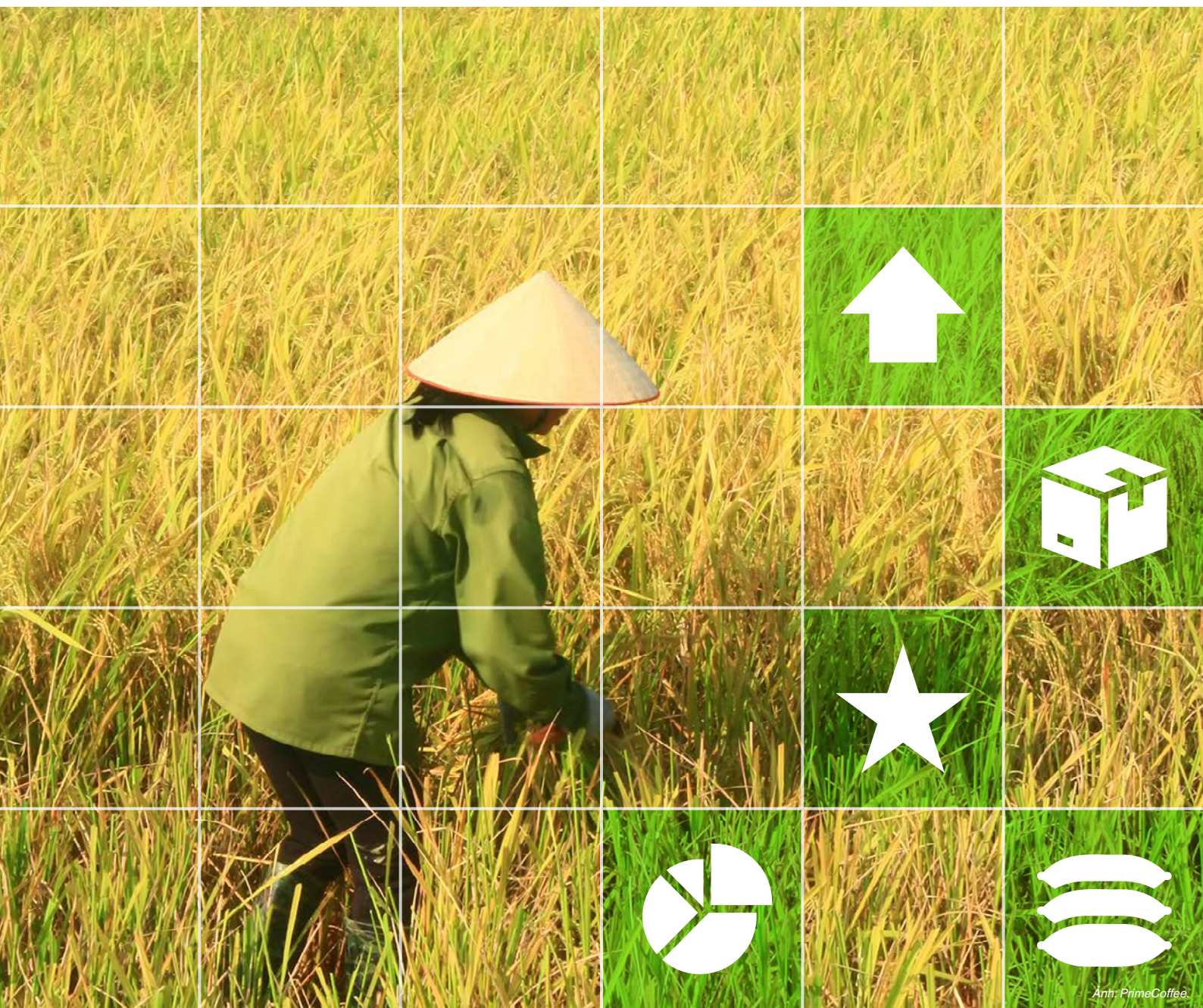
Tính chung từ đầu năm đến nay, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam và Thái Lan đã giảm hơn 70 USD/tấn, trong khi Ấn Độ tăng 33 USD/tấn.

Còn tại Bangladesh, giá gạo vẫn tăng cao bất chấp sản lượng cao và dự trữ kỷ lục, thúc đẩy Chính phủ nước này cho phép tư nhân nhập khẩu gần 100.000 tấn gạo để kiểm soát giá, theo *Reuters*. ■



Phần II:

Thị trường gạo Việt Nam



Trong quý I, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt kỷ lục gần 2,2 triệu tấn với trị giá thu về 1,4 tỷ USD. Tại trong nước, mặc dù có sự điều chỉnh giảm trong những tháng đầu năm nhưng giá lúa gạo vẫn đang cao hơn 20-30% so với cùng kỳ năm ngoái.

1 Sản xuất

Ước tính từ Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho thấy, vụ Đông xuân 2023-2024 các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống được 1,498 triệu ha và tính đến cuối tháng 3/2024 đã thu hoạch được trên 925 nghìn ha với năng suất khoảng 6,77 tấn/ha, đạt sản lượng 6,26 triệu tấn lúa. Hiện các địa phương trong vùng vẫn đang tiếp tục diện tích lúa còn lại.

Còn theo Tổng cục Thống kê, tính đến trung tuần tháng 3, cả nước gieo cấy được 2.926 nghìn ha lúa Đông xuân, giảm 1,3 nghìn ha so với vụ Đông Xuân năm 2023. Các địa phương phía Bắc đạt 1.032 nghìn ha, giảm 12,5 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Các địa phương phía Nam đạt 1.894,1 nghìn ha, tăng 11,2 nghìn ha so với vụ Đông Xuân năm 2023. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.478,6 nghìn ha, tăng 8,9 nghìn ha. Diện tích gieo trồng lúa Đông Xuân ở các địa phương phía Nam tăng do giá lúa đang ở mức cao ổn định nên người dân yên tâm tranh thủ xuống giống tối đa diện tích, đầu tư giống lúa chất lượng, năng suất cao.

Tại các địa phương phía Nam, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch 868,8 nghìn ha, chiếm 58,8% diện tích gieo cấy và bằng 106,1% cùng kỳ năm trước, năng suất ước đạt xấp xỉ vụ đông xuân năm trước; sản lượng ước đạt 10,7 triệu tấn, tăng 65 nghìn tấn.



Ảnh: Huỳnh Thanh Phong.

2 Xuất khẩu

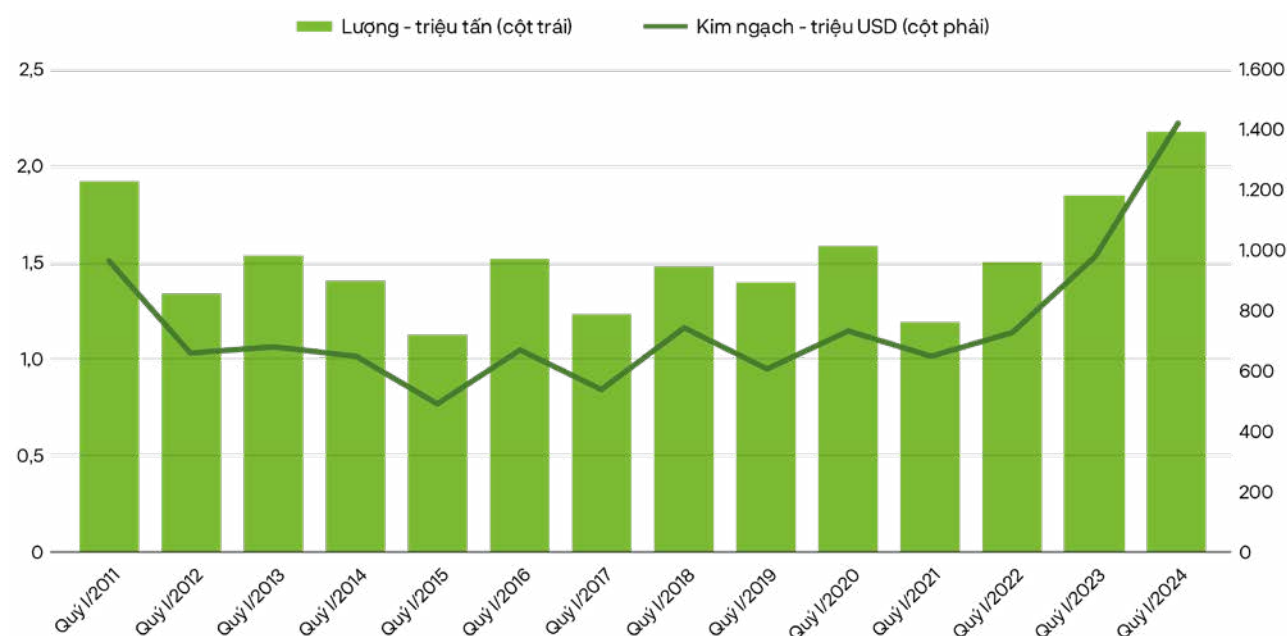
Với nguồn cung được bổ sung từ vụ thu hoạch Đông Xuân và nhu cầu cao từ các thị trường tiêu thụ chính, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 3 và quý I đạt mức cao kỷ lục mới.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 3 đạt 1,12 triệu tấn, trị giá 709,6 triệu USD, tăng gấp 2 lần về lượng và tăng 90,1% về trị giá so với tháng trước, đồng thời tăng 17,2% về lượng và tăng 39,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Tính đến hết quý I, xuất khẩu gạo đạt gần 2,2 triệu tấn với trị giá thu về 1,4 tỷ USD, tăng 17,8% về lượng và tăng đến 45,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 6**).

Biểu đồ 6: Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý I năm 2011-2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Ảnh: Lê Hoàng Vũ.

Trong quý I, nhìn chung xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường chính như Philippines, Indonesia, Malaysia... đều tăng trưởng cao ở mức hai con số.

Trong đó, Philippines tiếp tục dẫn đầu về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý đầu năm với khối lượng đạt hơn 1 tấn, trị giá 649 triệu USD, tăng 13,4% về lượng và tăng 44,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường này chiếm đến 46,3% về lượng và 45,5% về trị giá trong tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Đứng thứ hai là Indonesia, xuất khẩu gạo tới thị trường này đạt 445.326 tấn, trị giá 285,1 triệu USD, tăng gấp 3 lần về lượng và 4 lần về trị giá so với cùng kỳ. Thị trường này chiếm 20,4% tổng lượng gạo xuất khẩu, tăng mạnh so với mức thị phần 8% của cùng kỳ năm 2023.

Như vậy, Philippines và Indonesia chiếm tổng cộng 66,8% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam trong quý I (**Biểu đồ 7**).

Tiếp đến, các thị trường xuất khẩu lớn tiếp theo gồm Malaysia đạt 98.917 tấn, tăng 28,8%; Bờ Biển Ngà đạt 92.213 tấn, tăng 91,7%.

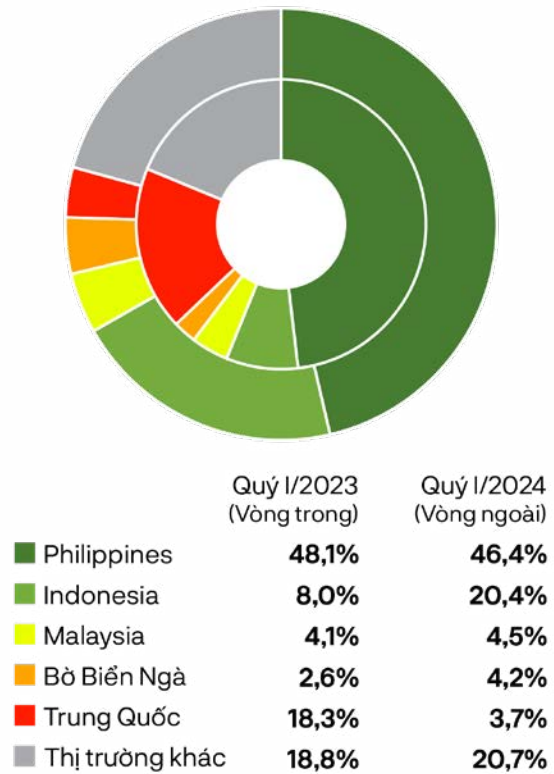
Ngoài ra, xuất khẩu gạo sang Ghana, Singapore, Mozambique, UAE, Mỹ, Ba Lan, Nga... cũng đều tăng mạnh trong quý I/2024.

Ngược lại, lượng gạo xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh 76%, Hong Kong giảm 39,4%, Hà Lan giảm 21,8%, Tanzania giảm 60%... (**Bảng 2**)

Gạo trắng là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất trong quý I, chiếm đến 75% tổng khối lượng tương đương 1,65 triệu tấn. Ngoài ra gạo thơm đạt khoảng 358.666 tấn và chiếm 16,3%; gạo nếp đạt 149.055 tấn, chiếm 6,9%; gạo Nhật và nhóm gạo lứt, gạo vi chất... chiếm tỷ trọng nhỏ 1,7% và 0,2% (**Biểu đồ 8**).

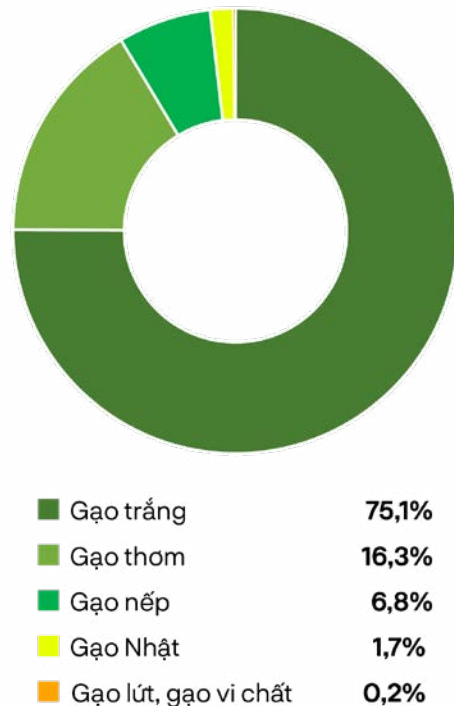
Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý I/2023 và quý I/2024, % theo khối lượng

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Biểu đồ 8: Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu trong quý I/2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý I/2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

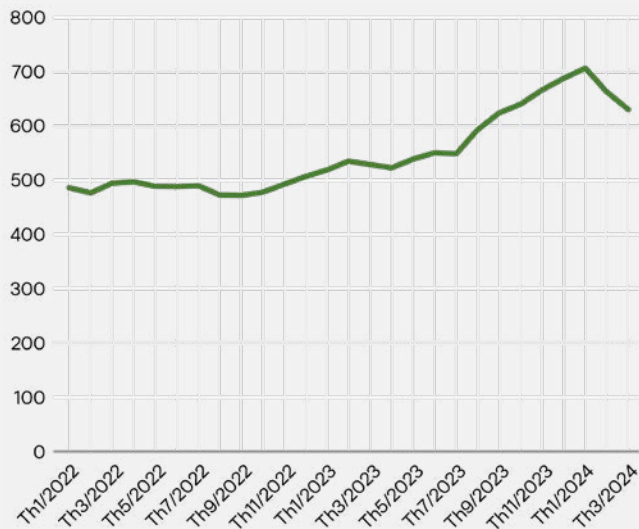
Thị trường xuất khẩu	Quý I/2024			So sánh với quý I/2023			Thị phần theo khối lượng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Giá XKBQ (%)	Quý I/2023 (%)	Quý I/2024 (%)
Tổng	2.182.033	1.426.901	654	▲ 17,8	▲ 45,6	▲ 23,6	100,0	100,0
Philippines	1.011.399	648.996	642	▲ 13,4	▲ 44,3	▲ 27,2	48,1	46,4
Indonesia	445.326	285.056	640	▲ 199,7	▲ 308,8	▲ 36,4	8,0	20,4
Malaysia	98.917	61.552	622	▲ 28,8	▲ 60,6	▲ 24,7	4,1	4,5
Bờ Biển Ngà	92.213	60.192	653	▲ 91,7	▲ 168,3	▲ 40,0	2,6	4,2
Trung Quốc	81.648	48.186	590	▼ 76,0	▼ 75,8	▲ 0,9	18,3	3,7
Ghana	69.350	51.578	744	▲ 17,6	▲ 59,3	▲ 35,5	3,2	3,2
Singapore	47.068	30.546	649	▲ 73,0	▲ 100,3	▲ 15,7	1,5	2,2
Mozambique	23.412	16.797	717	▲ 70,3	▲ 118,0	▲ 28,0	0,7	1,1
UAE	14.831	11.094	748	▲ 61,3	▲ 95,8	▲ 21,4	0,5	0,7
Hong Kong	9.984	6.959	697	▼ 39,4	▼ 27,8	▲ 19,3	0,9	0,5
Mỹ	8.961	7.316	816	▲ 27,3	▲ 37,1	▲ 7,7	0,4	0,4
Saudi Arabia	7.563	5.828	771	▲ 12,7	▲ 32,4	▲ 17,4	0,4	0,3
Australia	7.352	5.761	784	▲ 19,6	▲ 30,2	▲ 8,9	0,3	0,3
Hà Lan	3.631	3.185	877	▼ 21,8	▲ 3,5	▲ 32,4	0,3	0,2
Ba Lan	2.925	2.178	745	▲ 94,1	▲ 124,6	▲ 15,7	0,1	0,1
Tanzania	2.757	1.988	721	▼ 60,0	▼ 56,0	▲ 10,0	0,4	0,1
Đài Loan	2.670	1.774	665	▼ 77,4	▼ 71,1	▲ 27,5	0,6	0,1
Nga	2.629	1.914	728	▲ 323,3	▲ 368,8	▲ 10,7	0,0	0,1
Nam Phi	1.991	1.454	730	▼ 12,3	▲ 3,6	▲ 18,2	0,1	0,1
Pháp	1.112	901	810	▲ 7,4	▲ 19,3	▲ 11,0	0,1	0,1
Thị trường khác	246.294	173.647	705	▲ 42,0	▲ 74,8	▲ 23,1	9,4	11,3

3 Diễn biến giá

Trong tháng 3, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 631 USD/tấn, tiếp tục giảm 4,9% so với tháng trước, nhưng tăng 19,2% so với tháng 3 năm ngoái. Bình quân quý I năm nay, giá xuất khẩu đạt 654 USD/tấn, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2023 (**Biểu đồ 9**).

Biểu đồ 9: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL tính đến đầu tháng 4/2024

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 11/4/2024	So sánh tăng/giảm			
		So với 1 tháng trước		So với 1 năm trước	
		đồng/kg	%	đồng/kg	%
Lúa thường tại ruộng	7.786	▲ 2,5	▲ 193	▲ 20,7	▲ 1.336
Lúa thường tại kho	9.292	▲ 7,0	▲ 609	▲ 26,7	▲ 1.959
Lứt loại 1	11.583	▲ 1,8	▲ 208	▲ 20,4	▲ 1.966
Xát trắng loại 1	13.975	▲ 1,9	▲ 262	▲ 29,7	▲ 3.200
5% tấm	13.818	▲ 0,1	▲ 11	▲ 29,9	▲ 3.182
15% tấm	13.592	▲ 0,3	▲ 34	▲ 30,1	▲ 3.142
25% tấm	13.308	▲ 0,4	▲ 58	▲ 30,5	▲ 3.108
Tấm 1/2	10.543	▼ 0,4	▼ 43	▲ 16,6	▲ 1.500
Cám xát/lau	4.971	▼ 7,7	▼ 415	▼ 29,9	▼ 2.122

Trong khi đó, tại thị trường trong nước, tính đến ngày 11/4 giá lúa ở khu vực ĐBSCL tăng 200 – 600 đồng/kg so với so với đầu tháng 3, trong khi giá gạo nhìn chung không có nhiều thay đổi. Mặc dù có sự điều chỉnh giảm trong những tháng đầu năm nhưng giá lúa gạo vẫn đang cao hơn 20-30% so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 3**).

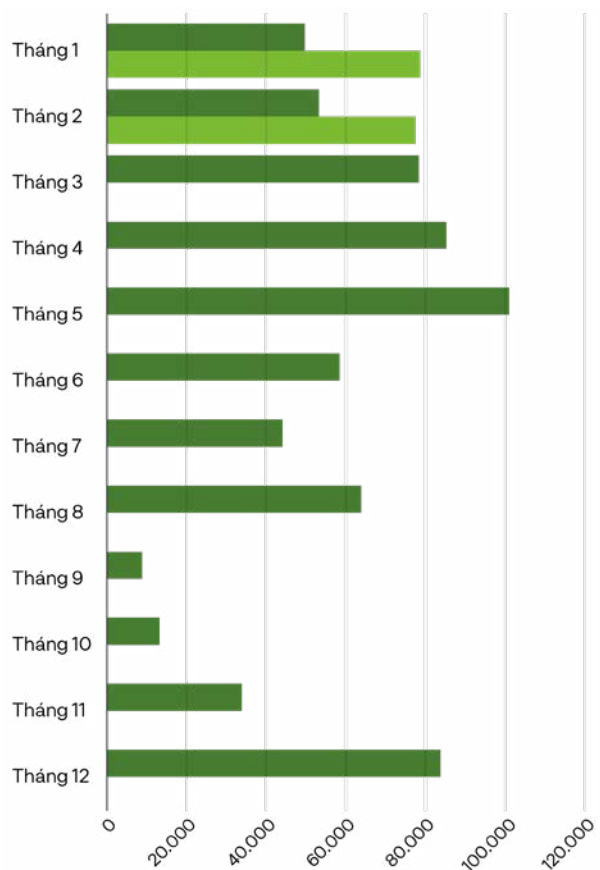
4 Tình hình nhập khẩu

Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, Việt Nam đã nhập khẩu 77.452 tấn gạo từ nước này trong tháng 2 với trị giá 32,65 triệu USD, giảm 1,6% về lượng và tương đương về trị giá so với tháng trước.

Tuy nhiên, tính chung 2 tháng đầu năm, nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ vẫn tăng mạnh 51,8% về lượng và gấp 2 lần về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 156.165 tấn, trị giá 65,3 triệu USD. Trong đó, gạo lứt là chủng loại nhập khẩu nhiều nhất (**Biểu đồ 10**).

Biểu đồ 10: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2022-2023

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ.



Phần III:

Dự báo



Chúng tôi cho rằng xuất khẩu gạo của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong thời gian tới do nhu cầu từ các đối tác chính như Philippines, Indonesia, châu Phi... vẫn duy trì ở mức cao trong năm nay. Trong khi đó, vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy Ấn Độ sẽ sớm dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu.

Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh thị phần giữa các nước xuất khẩu dự kiến sẽ gia tăng và tiếp tục gây áp lực lên giá gạo trên thị trường quốc tế. Trong khi Thái Lan và Việt Nam đang tích cực tìm kiếm các hợp đồng mới, thì Pakistan dự báo sẽ có vụ mùa bội thu trong năm nay.

Còn theo BMI Research - một đơn vị nghiên cứu của Fitch Solutions, giá gạo toàn cầu dự kiến sẽ duy trì ở mức cao trong suốt năm 2024, trong bối cảnh thị trường tiếp tục bị thắt chặt do thời tiết không thuận lợi và hạn chế xuất khẩu gạo từ Ấn Độ.

“Chúng tôi tin rằng báo giá gạo xuất khẩu quốc tế sẽ vẫn tăng khi các hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ vẫn có hiệu lực - ít nhất cho đến sau cuộc tổng tuyển cử ở Ấn Độ”, BMI nhận định.

Giá gạo đã tăng vọt khi Ấn Độ - nhà cung cấp gạo lớn nhất thế giới ban hành lệnh cấm xuất khẩu mặt hàng này vào năm ngoái, làm dấy lên lo ngại về nguồn cung. Song song đó, những lo ngại về hạn hán ở Thái Lan - nước xuất khẩu gạo thứ 2 toàn cầu, cũng làm tăng thêm những lo lắng về sản lượng, vì lúa là một trong những cây trồng cần nhiều nước nhất. Quốc gia trồng lúa Malaysia cũng phải vật lộn với tình trạng thiếu gạo trong bối cảnh giá gạo tăng.

Tuy nhiên, theo dự đoán của BMI mỗi lo ngại về nguồn cung có thể giảm bớt vào năm 2025. Khi hiện tượng thời tiết El Nino làm tăng nhiệt độ và giảm lượng mưa - chuyển sang La Nina, với lượng mưa cao hơn bình thường.

Cũng theo dự đoán của BMI, sau ba niên vụ thâm hụt liên tiếp từ 2021-2022 đến 2023-2024, ngành gạo toàn cầu sẽ trở lại trạng thái thặng dư ròng, với 4,9 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025 do sản lượng cao hơn.

Điều đó có thể khiến giá trung bình giảm 3,9% xuống còn 15,85 USD/cwt vào năm 2025, BMI cho biết.

BMI lưu ý rằng sản xuất tại Trung Quốc có thể tăng 3% sau hai năm sụt giảm liên tiếp và sản lượng cũng sẽ tăng trên phần lớn Đông Nam Á và Ấn Độ với sự cải thiện về thời tiết.

Mặc dù vậy, BMI cho rằng Chính phủ Ấn Độ khó có thể dỡ bỏ hạn chế xuất khẩu do lạm phát thực phẩm dai dẳng chiếm 45% -46% chỉ số giá tiêu dùng. BMI cảnh báo: “Chúng tôi không tin rằng việc thông qua cuộc bầu cử sẽ là lý do đủ để bãi bỏ các hạn chế”.

Cuộc tổng tuyển cử ở Ấn Độ, trong đó Thủ tướng Narendra Modi được nhiều người dự đoán sẽ tiếp tục nắm quyền trong nhiệm kỳ thứ ba, sẽ bắt đầu vào ngày 19/4 và kéo dài sáu tuần cho đến ngày 1/6. ■

Phần IV:

Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành



Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo nhìn chung khá lạc quan về triển vọng sản xuất và kinh doanh trong năm 2024.

CTCP Tập đoàn PAN Group (Mã: PAN):



Năm 2024, PAN Group đề ra kế hoạch doanh thu thuần 14.780 tỷ, lãi sau thuế 882 tỷ; tăng trưởng lần lượt 12% và 8% so với năm 2023. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 447 tỷ, tăng 10% so với năm ngoái và nếu đạt được sẽ là con số cao kỷ lục của tập đoàn.

Tập đoàn dự báo mảng gạo đóng gói nhiều khả năng sẽ tiếp tục khả quan do giá gạo đang neo ở vùng cao, phần nào bù đắp cho các rủi ro và khó khăn trong mảng giống cây trồng và nông được.

Dự báo doanh thu và lợi nhuận mảng hạt có thể tăng trưởng từ 10% - 15%, do dự kiến năm 2024 khôi phục hoàn toàn được việc bán hàng cho các khách hàng truyền thống cũng như đẩy mạnh được thị trường Nhật Bản.

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, tập đoàn đề xuất trả cổ tức bằng tiền tối thiểu 5% (500 đồng/cp). Bên cạnh đó sẽ trích quỹ phát triển bền vững và R&D 5 tỷ, kinh phí hoạt động và thù lao HĐQT 2 tỷ cùng quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty mẹ 1 tỷ. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 dự kiến sẽ tương tự năm 2023 nếu đạt kế hoạch đề ra.

CTCP Tập đoàn Lộc Trời (Mã: LTG):



Đầu tháng 4 vừa qua, Hiệp định khung hợp tác chiến lược đã được ký kết giữa Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời và Công ty

TNHH Lương thực Quảng Châu, thuộc Tập đoàn Lĩnh Nam Quảng Châu, Trung Quốc.

Theo đó, Lộc Trời trở thành đối tác cung ứng gạo với quy mô từ 100.000 tấn và tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Đây cũng là tiền đề tiến đến mở rộng và không ngừng nâng cao mức độ hợp tác trên các lĩnh vực mà cả hai cùng có ưu thế như phát triển các sản phẩm chế biến sâu từ gạo.

Hiện gạo của Lộc Trời đã được xuất khẩu tới 40 quốc gia trên thế giới, thương hiệu gạo Cơm Việt Nam Rice đã có mặt trong các chuỗi siêu thị lớn ở châu Âu, nhưng công ty cũng vẫn liên tục tìm hướng đi mới trong phát triển thị trường.

Liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 mới được công bố, LTG ghi nhận doanh thu năm 2023 là 16.517 tỷ đồng, tăng gần 39% so với cùng kỳ năm trước, lãi sau thuế 16,5 tỷ đồng. Khoản lãi này giảm 94% so với báo cáo tự lập quý 4/2023 (265 tỷ đồng).

Theo lý giải của Lộc Trời, doanh thu các khoản giảm trừ giảm 19,4 tỷ đồng và giá vốn hàng bán tăng 15,8 tỷ đồng chưa phản ánh phù hợp trong báo cáo tự lập. Ngoài ra, khoản lãi trong công ty liên kết của LTG giảm mạnh gần 316 tỷ đồng so với số liệu trước kiểm toán, xuống còn 527 triệu đồng. Qua đó, khiến lãi ròng sau kiểm toán giảm mạnh gần 94% xuống 16,5 tỷ đồng.

Trước đó, Lộc Trời báo lãi từ công ty liên kết tăng đột biến vào quý 2, ghi nhận khoản lãi 327 tỷ đồng. Đây là phần lãi lũy kế của công ty sau khi mua Công ty cổ phần Lương thực Lộc Nhân. Lộc Nhân được Lộc Trời hoàn tất mua lại vào ngày 16/2/2023. Sau giao dịch này, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Lộc Trời tại đây là 49%.

CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An (Mã: TAR):



Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) mới công bố thông báo về việc cổ phiếu TAR của CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An có khả năng bị huỷ niêm yết bắt buộc.

Nguyên nhân là bởi tổ chức kiểm toán từ chối cho ý kiến đối với báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của công ty. Vì thế HNX sẽ xem xét tiến hành hủy bỏ niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu TAR.

Được biết, sau nhiều lần bị trì hoãn, báo cáo tài chính của Trung An đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) ký. Tuy nhiên, đơn vị kiểm toán này lại từ chối đưa ra kết luận với báo cáo tài chính bán niên của Gạo Trung An.

Cụ thể, AASCS cho biết Trung An đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong kết luận thanh tra của UBCKNN ngày 13/9/2023. Bao gồm, 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021; hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ năm 2021; số liệu hàng tồn kho công bố trên BCTC năm 2022 với giá trị hơn 1.255 tỷ đồng.

Vì lý do trên mà công ty kiểm toán không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Gạo Trung An.

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex Mã: AGM):



Vừa được giao dịch trở lại từ ngày 21/3 nhưng ngày 29/3, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM lại có quyết định chuyển cổ phiếu AGM từ diện cảnh báo sang diện kiểm soát kể từ ngày 5/4/2024.

Lý do AGM bị kiểm soát do lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính kiểm toán trong hai năm gần nhất (2022, 2023) của tổ chức niêm yết là số âm, thuộc diện chứng khoán bị kiểm soát theo quy định.

Năm 2023, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu An Giang âm 214 tỷ đồng, năm 2022, tiếp tục âm 234 tỷ đồng.

Tại báo cáo riêng đã kiểm toán của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu An Giang năm 2023 còn ghi nhận vốn chủ sở hữu công ty âm hơn 83 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn của công ty tính đến hết 31/12/2023 đạt khoảng 1.018 tỷ đồng nhưng nợ phải trả lên đến 1.102 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn (1.069 tỷ đồng). Lỗ lũy kế ghi nhận hơn 265 tỷ đồng. ■

Phần V:

Chính sách



Đề án một triệu ha lúa chất lượng cao cần vay World Bank 9.000 tỷ đồng

Đây là nội dung đã được Ban quản lý các dự án nông nghiệp nêu khi làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Cần Thơ, ngày 8/4.

Bộ đánh giá đề án phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao rất quan trọng và cấp bách, cần cơ chế đặc thù cho dự án. Do đó, cơ quan này dự kiến đề nghị Chính phủ cho phép xây dựng dự án vay vốn Ngân hàng thế giới (World Bank) theo cơ chế đặc thù. Ngân sách trung ương cấp phát 100% nguồn vốn ODA (không áp dụng cơ chế cho vay lại).

Dự kiến, tổng nhu cầu đầu tư dự án hơn 470 triệu USD (tương đương gần 11.800 tỷ đồng). Trong đó, vay World Bank khoảng 360 triệu USD (khoảng 9.000 tỷ đồng); vốn đối ứng trong nước hơn 112 triệu USD. Với gần 1 triệu ha lúa, mỗi suất đầu tư dao động 325-794 USD một ha.

Chuyên gia cao cấp của World Bank Li Guo cho biết sẽ trình dự án lên lãnh đạo trên nền tảng dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT), nhưng mở rộng hơn.

“Chúng tôi mong muốn Việt Nam sẽ tiên phong về giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp trên toàn thế giới. Chúng tôi sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ để thực hiện các bước tiếp theo”, chuyên gia World Bank nói, theo *VnExpress*.

Indonesia bình ổn giá gạo tại thị trường nội địa

Theo Cơ quan Lương thực Quốc gia Indonesia (Bapanas), chương trình hỗ trợ gạo cho người dân đang tiến triển tích cực, góp phần kiểm soát giá cả.

Hết quý I/2024, Chính phủ Indonesia đã phân phối 641.000 tấn gạo theo chương trình hỗ trợ gạo năm 2024. Việc phân phối gạo của Bapanas tuân theo Luật số 18 năm 2013 về Thực phẩm và Quy định của Tổng thống số 66 năm 2021 của Cơ quan Lương thực Quốc gia. Theo các quy định này, một trong những nhiệm vụ của Bapanas là duy trì sự sẵn có và ổn định về lương thực.

Mục tiêu của chương trình trên là hỗ trợ trung bình 10 kg gạo mỗi người cho khoảng 22 triệu người dân đang gặp khó khăn trong cuộc sống. Chương trình hỗ trợ trước đó đã được triển khai vào năm 2023 theo hai giai đoạn, được tiếp tục trong quý I/2024 và có thể tiếp tục trong quý II/2024 nếu ngân sách nhà nước vẫn đủ khả năng hỗ trợ.

Nếu nguồn ngân sách quốc gia đảm bảo, Indonesia sẽ thực hiện chương trình hỗ trợ gạo cho người dân đến hết năm 2024. Hỗ trợ gạo là một hình thức cam kết của chính phủ nước này đối với phúc lợi của người dân nên cần được duy trì. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Tổng cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo quý I/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo năm 2023
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 1/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 2/2024

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**